

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NR
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/ 2018/ DS -ST

Ngày 05/3/ 2018

V/v " Tranh chấp trả tiền hợp đồng khoan giếng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NR - TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Văn Nhạ

2. Ông Nông Văn Lên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện NR, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NR, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Nông Thiêm Mẫn - Kiểm sát viên

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện NR, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:24/ 2017/ TLST - DS ngày 19 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp trả tiền hợp đồng khoan giếng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/ 2018/ QĐXX - ST ngày 05/ 02/ 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn C1 sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn NS, xã HN, huyện NR, tỉnh Bắc Kạn.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn C2 sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn KC, xã XD, huyện NR, tỉnh Bắc Kạn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2017 và bản tự khai ngày 20 tháng 10 năm 2017 của ông Hoàng Văn C1 nguyên đơn trú tại thôn NS, xã HN, huyện NR, tỉnh Bắc Kạn, khởi kiện anh Hoàng Văn C2 trú tại thôn KC , xã XD, huyện NR, tỉnh Bắc Kạn.

Nội dung đơn khởi kiện của Hoàng Văn C1 trình bày và yêu cầu như sau: Ngày 02/ 8/ 2013 anh Hoàng Văn C2 có làm hợp đồng khoan 01 cái giếng nước sinh hoạt địa điểm tại khuôn viên đất ở phía sau nhà anh C2 thuộc thôn Khu Chợ, xã XD, huyện NR, tỉnh Bắc Kạn, giữa hai bên ông C1 với anh C2 có thỏa thuận bằng văn bản là ký kết một hợp đồng có tên là Hợp đồng khoan giếng. Nội dung của hợp đồng như sau:

Đại diện bên A: Anh Hoàng Văn C2 (bên đề nghị khoan giếng)

Đại diện bên B: Ông Hoàng Văn C1 (bên khoan giếng)

Hai bên cùng nhau thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng theo các Điều khoản như sau:

Điều I: Bên A yêu cầu bên B khoan 01 (một) cái giếng nước địa điểm tại sau nhà ở của thôn KCXD (nhà ở của anh C2)

Quy cách giá cả và các thỏa thuận khác: Nhận khoán gọn với số tiền là: 12.000.000, đ (Mười hai triệu đồng).

Bên B có trách nhiệm bảo hành giếng 01 năm bơm 24/24 (không bảo hành máy bơm).

Điều II: Bên B có trách nhiệm khoan theo yêu cầu của bên A như thỏa thuận tại Điều I.

Điều III: Phương thức thanh toán: Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B khi giếng đã đưa vào sử dụng.

Điều IV: Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, nếu bên nào vi phạm các điều khoản ghi trong hợp đồng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ông Hoàng Văn C1 đã thực hiện như trong hợp đồng là khoan xong 01 (một) cái giếng nước, bơm có nước và anh C2 đã nhận đưa vào sử dụng cho gia đình. Tuy theo như hợp đồng thì anh C2 bên A phải thanh toán tiền mặt cho bên B đầy đủ và thanh toán 01 (một) lần nhưng khi khoan giếng xong, anh C2 nhận giếng đưa vào sử dụng mà không chịu thanh toán số tiền: 12.000.000,đ (Mười hai triệu đồng) là số tiền khoán gọn bao gồm cả phụ kiện và tiền công khoan giếng mặc dù ông C1 nhiều lần gặp trực tiếp và nhiều lần gọi qua điện thoại cho anh C2 nhưng anh đều lảng tránh không chịu thanh toán hợp đồng khoan giếng cho anh C1, nên anh C1 đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu anh C2 thanh toán trả tiền hợp đồng khoan giếng là: 12.000.000,đ (Mười hai triệu đồng) Ngoài nội dung hợp đồng trên ông C1 với anh C2 không có thỏa thuận nào khác.

Ngày 14/ 11/ 2017 bản tự khai của anh Hoàng Văn C2 tự khai, anh có Hợp đồng với ông Hoàng Văn C1 khoan 01 (một) cái giếng nước là mạch nước ngầm để sử dụng ăn uống sinh hoạt hàng ngày sau đó ông C1 tiến hành khoan 02 ngày là có nước và đã lắp đặt máy bơm hút hoàn chỉnh nhưng nước không sử dụng được. Nước mới hút lên thì trong bể sáng hôm sau thì đỏ vàng là nước ở trên khoan chưa đến mạch nước ngầm. Sau đó anh C2 có bàn với ông C1 là nước không dùng được thì anh trả tiền công cho anh C1 là: 3.000.000,đ (Ba triệu đồng) và anh C1 lấy phụ kiện về, hoặc anh C2 trả cho ông C1: 6.000.000, đ (Sáu triệu đồng) nhưng ông C1 không nghe. Anh C2 đề nghị ông C1 khoan cho anh đến mạch nước ngầm, nước dùng được thì anh C2 trả cho ông C1 đúng 12.000.000, đ (Mười hai triệu đồng). Lý do anh C2 không trả tiền cho ông C1 là vì khi khoan giếng xong gia đình anh C2 không dùng được nước giếng đến nay giếng vẫn còn nguyên vẹn.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: các bên không có yêu cầu gì về việc giao nộp thêm tài liệu và triệu tập người làm chứng. Tại phiên hòa giải giữa ông C1 với anh C2 không thống nhất được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án, song anh C2 đề nghị Tòa án lên tận nơi xem xét gia đình anh C2 có sử dụng giếng nước không và xem nước có màu có vẩn đỏ không.

Tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ đối với một cái giếng nước vị trí ở trong đất vườn phía đằng sau nhà ở của anh C2 sát tường gạch xây ranh giới với hộ gia đình ông Hoàng Văn Chi. Về hiện trạng xung quanh miệng giếng khoan có xây bằng gạch thấp, dài 80cm x rộng 60cm để đặt máy bơm, trên máy bơm có đặt 1/2 tấm

proximãng để che mưa, nắng cho máy bơm, kiểm tra bên trong có 01 chiếc máy bơm được lắp đặt đầy đủ các phụ kiện đường ống dẫn nước từ miệng giếng khoan trở lên, đầu ra của máy bơm để vòi chờ và có ổ điện. Anh C2 đã cắm điện và máy bơm hoạt động bình thường, nguồn nước lên mạnh, nước giếng khoan được hứng vào trong chậu INOX cho màu nước trong không có tạp chất, nước giếng khoan được bơm lên ổn định và đều. Độ sâu của giếng không đo, nước bơm lên để sau 01 giờ (sau 01 tiếng) kiểm tra thấy chuyển màu vàng có váng.

Tại phiên hòa giải lần hai do anh C2 vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được . Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung;

Các bên không thống nhất được với nhau và nài ra lý do sau : Ông C1 cho rằng ông đã thực hiện là khoan xong 01 (một) cái giếng nước theo hợp đồng đã ký kết với anh C2 quá trình thực hiện không có vi phạm gì. Anh C2 đã nhận giếng để sử dụng còn việc nước giếng nước có màu vàng, có có váng ông C1 không có lỗi việc nước giếng có chuyển màu vàng và có váng là do anh C2 không bảo quản thường xuyên đến nay giếng khoan xong hơn bốn năm ông C1 đề nghị anh C2 thanh toán 12.000.000,đ (Mười hai triệu đồng). Anh C2 thừa nhận ông C1 đã thực hiện là khoan 01 (một) cái giếng xong như hợp đồng đã ký kết và anh C2 đã nhận và đưa vào sử dụng nhưng sử dụng sau một thời gian ngắn thấy nước giếng bơm lên ngày hôm sau chuyển màu vàng và có váng nên nước giếng không dùng được nên không thanh toán cho ông C1; 12. 000.000,đ. Anh C2 đề nghị ông C1 khoan đến mạch nước ngầm thì ông thanh toán đủ cho ông C1; 12.000.000,đ (Mười hai triệu đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NR phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình tố tụng, xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán tiền hợp đồng khoan giếng cho ông C1 là 12.000.000,đ (Mười hai triệu đồng)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Khi nhận đơn khởi kiện của ông Hoàng Văn C1, Tòa án đã xem xét thời hiệu khởi kiện về hợp đồng theo Điều 429 của Bộ luật dân sự. Nội dung Điều 429 Bộ luật dân sự quy định " thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm " hợp đồng khoan giếng ghi ngày 02/ 8/ 2013 ngày Tòa án nhận đơn khởi kiện 19/ 10/ 2017 nếu áp dụng theo hợp đồng khoan giếng là đã quá thời hiệu khởi kiện, trong đơn khởi kiện và bản tự khai ông C1 cho rằng được hơn một năm sau ông đã nhiều lần gặp và gọi điện đề nghị anh C2 thanh

toán tiền khoan giếng nhưng anh C2 đều lảng tránh không chịu thanh toán tiền cho ông C1 như vậy xác định ông C1 đề nghị anh C2 thanh toán tiền khoan giếng là liên tục. Tuy nhiên, Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc theo Điều 149 của Bộ luật dân sự nhưng trong quá trình giải quyết vụ án không có bên nào yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, nên Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án theo thủ tục chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là " Tranh chấp thanh toán tiền dịch vụ ". Tuy nhiên, trong quá trình thu thập chứng cứ, xây dựng hồ sơ, giải quyết vụ án thấy rằng các bên tranh chấp với nhau về thanh toán khoản tiền 12.000.000, đ (Mười hai triệu đồng) là vi phạm hợp đồng khoan giếng về phần thanh toán. Nên Tòa án xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là " Tranh chấp Trả tiền hợp đồng khoan giếng" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và để phù hợp với tên gọi của các điều luật về hợp đồng dịch vụ và trả tiền dịch vụ theo Bộ luật dân sự hiện hành.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Tòa án xác định là vụ tranh chấp trả tiền hợp đồng khoan giếng , pháp luật nội dung được áp dụng là Bộ luật dân sự bởi vì hợp đồng khoan giếng được xác định thuộc loại hợp đồng dịch vụ theo Điều 513 và 519 Bộ luật dân sự quy định là trả tiền dịch vụ. Được hiểu hợp đồng khoan giếng thuộc loại hợp đồng dịch vụ đó là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cung ứng dịch vụ thực hiện công việc cho bên sử dụng dịch vụ, bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ " Điều 513". Trả tiền hợp đồng khoan giếng tương ứng với trả tiền dịch vụ " Điều 519 " có nghĩa là bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ theo thỏa thuận hoặc theo giao kết hợp đồng và phải trả tiền dịch vụ tại địa điểm thực hiện công việc khi hoàn thành dịch vụ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác, trường hợp dịch vụ được cung ứng không đạt được như thỏa thuận hoặc công việc không được hoàn thành đúng thời hạn thì bên sử dụng dịch vụ có quyền giảm tiền dịch vụ và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

[3]. Đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở lời khai, tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa thấy rằng. Giữa ông C1 với anh C2 có ký kết hợp đồng khoan một cái giếng nước vào ngày 02/ 8/ 2013 là hợp pháp, sau khi ký kết ông C1 đã làm tròn nghĩa vụ trong hợp đồng không có vi phạm gì, anh C2 đã nhận giếng nước và đưa vào sử dụng giếng nước để phục vụ nhu cầu sinh hoạt của gia đình theo hợp đồng đã ký với ông C1. Tuy nhiên, trong thời gian đầu anh C2 sử dụng nước bơm lên không thấy có tạp chất, nhưng sau một thời gian sử dụng nước giếng khi bơm lên để sáng ngày hôm sau thấy có màu vàng và có váng tại buổi xem xét tại chỗ trong biên bản ghi rõ nước giếng được bơm lên sau một giờ (một tiếng) đã chuyển sang màu vàng và có váng theo anh C2 thì đã được ba năm gia đình anh không lần nào bơm và sử dụng nước giếng này.

Tại phiên tòa ông C1 phản đối ý kiến của anh C2 nước giếng bơm lên hôm sau chuyển màu vàng và có váng ông C1 hoàn toàn không có lỗi vì không vi phạm gì đã được ghi trong hợp đồng khoan giếng ngày 02/ 8/ 2013. Khoan giếng xong anh

C2 nhận đưa vào sử dụng được hơn một năm tức là hết thời gian bảo hành ông C1 đề nghị anh C2 thanh toán tiền công và tiền phụ kiện nhưng anh C2 đều lảng tránh gọi qua điện thoại anh C2 không nghe, anh C2 nại ra lý do khoan chưa đến mạch nước ngầm và cố tình không trả tiền. Tại phiên tòa ông C1 giữ nguyên yêu cầu là đề nghị anh C2 trả đủ 12.000.000, đ (Mười hai triệu đồng).

Tại phiên tòa anh C2 đưa ra tại sao ông C1 không làm được nước sạch như nhà nước làm chương trình nước sạch cho nhân dân, cũng tại phiên tòa anh C2 thừa nhận lời trình bày trong bản tự khai và biên bản hòa giải, tuy nhiên, tại phiên tòa anh C2 nhất trí trả cho ông C1 đủ: 12.000.000,đ (Mười hai triệu đồng) nhưng với điều kiện đề nghị ông C1 phải khoan giếng đến mạch nước ngầm để gia đình anh ăn uống sinh hoạt hàng ngày được, nếu ông C1 không khoan giếng đến mạch nước ngầm thì anh C2 nhất trí trả cho ông C1 từ 7.000.000, đ (Bảy triệu đồng) tiền công khoan giếng, ông C1 không nhất trí một thỏa thuận nào khác với anh C2 vì nước giếng khoan cho anh C2 đã đến mạch nước ngầm còn nước giếng bơm lên có màu vàng và có váng anh C2 tự xử lý vì trong hợp đồng khoan giếng không có thỏa thuận nào về nước giếng có sử dụng được hay không, anh C2 không chịu trả tiền công khoan giếng cho ông C1 là không có căn cứ. Hội đồng xét xử nhận thấy một giếng nước của gia đình anh C2 mà ông C1 khoan cho là nước thuộc mạch nước ngầm vì vậy, có đủ cơ sở buộc anh C2 phải trả tiền hợp đồng khoan giếng cho ông C1 là 12.000.000,đ (Mười hai triệu đồng) theo thỏa thuận là phù hợp với các Điều 513, 515, 518, 519 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Anh Hoàng Văn C2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch. Trả lại số tiền nộp tạm ứng án phí cho ông Hoàng Văn C1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 513, 515, 518, 519 Bộ luật dân sự.

2. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Hoàng Văn C1 về việc " Tranh chấp trả tiền hợp đồng khoan giếng " đối với anh Hoàng Văn C2.

Buộc anh Hoàng Văn C2 ở thôn KC, xã XD, huyện NR, tỉnh Bắc Kạn phải trả tiền hợp đồng khoan giếng là: 12.000.000, đ (Mười hai triệu đồng) cho ông Hoàng Văn C1 ở thôn NS, xã HN, huyện NR, tỉnh Bắc Kạn.

Việc thi hành án đối với nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Hoàng Văn C2 phải chịu 600.000,đ (sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Ông Hoàng Văn C1 được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 01140 ngày 19/ 10/ 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NR, tỉnh Bắc Kạn.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng ép thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ".

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn bị đơn báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể ngày tuyên án sơ thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAT;
- VKSND huyện;
- STP tỉnh;
- CCTHA huyện;
- Các DS;
- Lưu HS;
- Lưu.

Nguyễn Duy Cận